

Số: 103 /2024/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 24 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Kéo dài thời hạn áp dụng và sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2020 và Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị quyết số 34/2024/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận kéo dài thời hạn áp dụng và sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận kèm theo Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 19 tháng 5 năm 2020 và Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số

02/2020/NQ-HĐND ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 6644/TTr-STNMT ngày 24 tháng 12 năm 2024 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 4072/BC-STP ngày 09 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kéo dài thời hạn áp dụng một số Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận

Kéo dài thời hạn áp dụng đến hết ngày 31/12/2025 đối với các Quyết định sau:

1. Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận và Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận như sau:

“Điều 2. Giá đất được quy định tại Quyết định này là giá của từng loại đất ứng với mục đích sử dụng được Nhà nước cho phép, công nhận và được xác định như sau:

1. Bảng giá đất trồng cây hằng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hằng năm khác); bảng giá đất trồng cây lâu năm; bảng giá đất rừng sản xuất,

rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; bảng giá đất nuôi trồng thủy sản; bảng giá đất làm muối: Được xác định theo vị trí đất và theo từng loại xã (đồng bằng, trung du, miền núi).

2. Bảng giá đất nông nghiệp khác và đất chăn nuôi tập trung: Được xác định theo giá đất của bảng giá đất trồng cây lâu năm.

3. Đất vườn, ao (đất nông nghiệp) trong cùng thửa đất ở nhưng không được công nhận là đất ở; đất nông nghiệp trong khu dân cư thị trấn, khu dân cư nông thôn, khu dân cư trong phạm vi địa giới hành chính phường: Được xác định theo giá đất của bảng giá đất nông nghiệp.

4. Bảng giá đất nông nghiệp trong đô thị: Xác định theo địa bàn và theo vị trí đất tại đô thị.

5. Bảng giá đất ở tại nông thôn, ven đô thị, ven đường giao thông chính, khu thương mại, khu du lịch, khu công nghiệp được xác định theo từng vị trí đất.

6. Bảng giá đất ở đô thị được xác định theo vị trí, khả năng sinh lợi và yếu tố thuận lợi trong sinh hoạt của thửa đất theo từng loại đường phố.

7. Bảng giá đất thương mại, dịch vụ và Bảng giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn và tại đô thị.

8. Giá các loại đất nông nghiệp khác và đất phi nông nghiệp khác được xác định theo giá đất nông nghiệp và phi nông nghiệp đã được quy định tại bảng giá.

9. Đất chưa sử dụng, khi đưa vào sử dụng thì giá đất được xác định theo mục đích được phép sử dụng.”

2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận kèm theo Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận và Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung Phần A (Bảng giá đất nông nghiệp): Chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo.

b) Sửa đổi, bổ sung Phần B (Bảng giá đất phi nông nghiệp): Chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo.

c) Sửa đổi, bổ sung giá đất các Khu dân cư, Khu tái định cư, tuyến đường (đã đầu tư hạ tầng kỹ thuật và đã được phê duyệt giá đất cụ thể): Chi tiết tại Phụ lục III ban hành kèm theo.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 01 năm 2025 và thời hạn áp dụng Quyết định đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ pháp chế (Bộ Tài nguyên và Môi trường);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- TT.HĐND các huyện, thành phố;
- Công TTĐT tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh (đăng Công báo);
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT._{NDT}

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Huyền